TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, về việc "Ly hôn và nuôi con" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bảo N, sinh năm 1992,
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Q.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1982,
Trú tại: Thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Quang V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Quang V thống nhất vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Trọng N, sinh 30/5/2013 và Nguyễn Trọng N, sinh 12/7/2015. Chị N, anh V thỏa thuận, giao con Nguyễn Trọng N và Nguyễn Trọng N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm thời chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Quang V thống nhất, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Quang V mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Hai bên thỏa thuận giao chị Ng chịu toàn bộ án phí ly hôn 150.000 đồng.

Số tiền án phí chị Trần Thị Bảo N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 31AA/2021/0003877 ngày 26/7/2022. Chị Ngọc được nhận lại 150.000 đồng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Duy Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Châu